TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 02/2020/DS-ST
Ngày: 14/01/2020.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán dầu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến.

2. Bà Lương Thị Kim Nhung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham dự phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc Trâm – Kiêm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 208/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán dầu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Đ N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1953. Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1958. Chức vụ: Phó giám đốc Công ty (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019).

Địa chỉ công ty: Số 1125, Tổ 1, Quốc lộ 61, ấp M L, xã M H, huyện C T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: Số 41-42, đường N V C, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H1 – Chủ DNTN Nguyễn H1; Địa chỉ: Số 41-42, đường N V C, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự đề ngày 13/6/2019 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Công ty TNHH MTV Đ N (Công ty Đ N) hoạt động kinh doanh xăng dầu. Bà Trần Thị Thanh T là người quản lý, sử dụng các tàu cá biển số KG 90939-TS; KG 94046-TS; KG 93826-TS.

Vào năm 2018 bà T mua dầu cho các tàu cá nêu trên để đi đánh bắt thủy sản tại Công ty Đ N, cụ thể như sau:

+ Ngày 26/7/2018 Dầu DO 15.000 lít x 16.150 đồng = 242.250.000 đồng.

+ Ngày 28/7/2018 Dầu DO 23.000 lít x 16.150 đồng = 371.450.000 đồng.

+ Ngày 02/8/2018 Dầu DO 44.423 lít x 16.150 đồng = 717.450.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà T đã mua dầu là 1.331.131.450đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

Việc bà T mua dầu nêu trên thì phía Công ty Đ N có xuất Hóa đơn giá trị gia tăng cho bà T đề ngày 02/8/2018; ngày 26/7/2018; ngày 28/7/2018. Đến ngày 19/9/2018 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và xác định bà T còn nợ Công ty Đ N số tiền là 1.331.131.450đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm năm mươi đồng), có bà T ký tên và lăn tay trong Biên bản. Nhiều lần Công ty yêu cầu thanh toán nhưng bà T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện, do đó Công ty khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa ông H yêu cầu: Yêu cầu bà T thanh toán cho Công ty Đ N một lần dứt điểm số tiền mua dầu còn nợ là 1.331.131.450đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm năm mươi đồng) và không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ kiện, bà T xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ thì phía Công ty Đ N không đồng ý.

Ông Nguyễn Văn H xác nhận việc mua bán dầu nêu trên được thực hiện giữa Công ty Đ N với cá nhân bà T, không liên quan với người nào khác. Vì vậy, Công ty Đ N chỉ yêu cầu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả nợ mà không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác cùng liên đới trả nợ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt. Trong quá trình tố tụng bị đơn bà T thể hiện ý kiến:*

Bà T đã có ý kiến thống nhất với các nội dung mà người đại diện Công ty Đ N là ông Nguyễn Văn H trình bày. Bà T thừa nhận còn nợ Công ty Đ N tiền đỗ dầu

cho các tàu cá mang biển số KG 90939-TS; KG 94046-TS; KG 93826-TS tổng cộng số tiền là 1.331.131.450đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm năm mươi đồng). Sau khi đỗ dầu cho 04 chiếc tàu cá nêu trên để đi đánh bắt thủy sản, do quá trình đánh bắt bị Malaysia bắt giữ nên tàu không hoạt động được, bị thua lỗ hoàn toàn, hiện không còn khả năng thanh toán một lần dứt nợ. Vì vậy, bà T xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Nguyễn Thị H1 – Chủ DNTN Nguyễn H1 vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến và không cử người đại diện tham gia tố tụng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn là bà T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1 đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ N. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Công ty Đ N số tiền 1.331.131.450 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên toà hợp lệ, nhưng bị đơn bà Trần Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 cố tình lánh mặt không đến Toà án và không cử người đại diện tham gia tố tụng. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn là ông H đồng ý xét xử vắng mặt bà T và bà H1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội

đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Đ N yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Thanh T phải trả số tiền mua dầu còn nợ là 1.331.131.450 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp giữa các bên được xác định là: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán dầu".* Bị đơn bà Trần Thị Thanh T có địa chỉ cư trú tại số 41-42, đường N V C, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về văn bản pháp luật áp dụng: Giao dịch mua bán được các bên thực hiện và xác lập vào tháng 07 và tháng 08/2018. Do đó, sẽ áp dụng Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản có liên quan để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ N. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Đ N yêu cầu bà Trần Thị Thanh T phải trả số tiền 1.331.131.450 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, việc bà T mua dầu cho các tàu cá đi đánh bắt thủy sản tại Công ty Đ N thì phía Công ty Đ N có xuất đầy đủ các hóa đơn giá trị gia tăng cho bà T theo đúng quy định và giữa các bên lập bảng đối chiếu công nợ, được bà T ký tên và lăn tay xác nhận. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà T đều thống nhất thừa nhận số nợ và nghĩa vụ trả số tiền nợ là 1.331.131.450 đồng, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, thỏa thuận, giao dịch về mua bán dầu giữa bà T và Công ty Đ N là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, các thỏa thuận, giao dịch mà các bên đã thực hiện, xác lập không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự về hợp đồng mua bán tài sản. Bà T đã nhận đúng, đầy đủ số lượng, chất lượng dầu theo thỏa thuận thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên bán là Công ty Đ N theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận số nợ và nghĩa vụ trả nợ, hai bên chỉ không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ; Đồng thời, các bên xác nhận việc mua bán dầu nêu trên được thực hiện giữa Công ty Đ N với cá nhân bà T, không liên quan với người nào khác, phía Công ty Đ N chỉ yêu cầu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả nợ mà không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác cùng liên đới trả nợ. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Đ N số tiền mua dầu còn nợ là 1.331.131.450 đồng. Do phía Công ty Đ N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà T xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Phía nguyên đơn Công ty Đ N không đồng ý và yêu cầu thanh toán một lần dứt nợ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ghi nhận. Về điều kiện và khả năng thanh toán của bà T sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty là 1.331.131.450 đồng, được tính như sau: 800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng; Phần vượt 800.000.000 đồng là 531.131.459 đồng x 3% = 15.933.943 đồng. Như vậy, bà T phải nộp án phí số tiền là 51.933.943đ (Năm mươi mốt triệu chín trăm ba mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty Đ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.975.000đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005996 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 430, Điều 431, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ N đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh T, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán dầu".

2. Buộc bà Trần Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Đ N số tiền mua dầu còn nợ là 1.331.131.450đ (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bị đơn bà Trần Thị Thanh T phải nộp án phí số tiền là 51.933.943đ (Năm mươi mốt triệu chín trăm ba mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Đ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.975.000đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005996 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa